

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 1995

PHÁP LỆNH

Công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài

Để góp phần mở rộng và phát triển quan hệ kinh tế với nước ngoài, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo hộ quyền, lợi ích chính đáng của các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài.

Căn cứ vào Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ 6 về công tác xây dựng pháp luật năm 1993;

Pháp lệnh này quy định việc công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quyết định của Trọng tài nước ngoài

Trong Pháp lệnh này, "Quyết định của Trọng tài nước ngoài" được hiểu là quyết định được tuyên ở ngoài lãnh thổ Việt Nam của Trọng tài do các bên thoả thuận lựa chọn để giải quyết tranh chấp phát sinh từ các quan hệ pháp luật thương mại.

"Quyết định của Trọng tài nước ngoài" còn bao gồm quyết định của Trọng tài được tuyên tại lãnh thổ Việt Nam, nhưng không do Trọng tài Việt Nam tuyên.

Điều 2. Nguyên tắc công nhận và thi hành

1. Toà án Việt Nam xem xét việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài trong trường hợp quyết định được tuyên tại nước hoặc của

Trọng tài của nước mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước đó đã ký kết hoặc tham gia điều ước quốc tế về vấn đề này. Quyết định của Trọng tài nước ngoài cũng có thể được Toà án Việt Nam xem xét công nhận và cho thi hành tại Việt Nam trên cơ sở có đi có lại mà không đòi hỏi phải có điều kiện ký kết, tham gia điều ước quốc tế.

2. Quyết định của Trọng tài nước ngoài được thi hành tại Việt Nam sau khi được Toà án Việt Nam công nhận và cho thi hành; việc thi hành phải tuân theo Pháp lệnh này và quy định của pháp luật Việt Nam về thi hành án dân sự.

Điều 3. Quyền yêu cầu công nhận và thi hành

Tổ chức, cá nhân được thi hành, người đại diện hợp pháp của họ có quyền gửi đơn yêu cầu Toà án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài, nếu tổ chức phải thi hành có trụ sở chính tại Việt Nam, cá nhân phải thi hành cư trú, làm việc tại Việt Nam hoặc nếu tài sản liên quan đến việc thi hành có tại Việt Nam vào thời điểm gửi đơn yêu cầu.

Điều 4. Toà án có thẩm quyền xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức phải thi hành có trụ sở chính, nơi cá nhân phải thi hành cư trú, làm việc hoặc nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành.

Điều 5. Bảo đảm quyền kháng cáo, kháng nghị

1. Quyết định của Toà án công nhận hoặc không công nhận quyết định của Trọng tài nước ngoài có thể bị đương sự kháng cáo hoặc Viện kiểm sát kháng nghị.

2. Quá thời hạn quy định tại Điều 18 của Pháp lệnh này mà không có kháng cáo, kháng nghị, thì quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật.

3. Toà án nhân dân tối cao xét đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị đối với quyết định của Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài.

Điều 6. Bảo đảm hiệu lực pháp luật của quyết định của Toà án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài

1. Quyết định của Trọng tài nước ngoài được Toà án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam có hiệu lực pháp luật như quyết định của Toà án Việt Nam đã có hiệu lực pháp luật.

2. Quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài phải được các đương sự nghiêm chỉnh thi hành, các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân tôn trọng.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân phải thi hành không tự nguyện chấp hành quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án, thì bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 7. Thông báo quyết định của Toà án

Ngay sau khi ra quyết định nói tại khoản 1 Điều 14, khoản 5 Điều 15 và khoản 3 Điều 19 của Pháp lệnh này, thông qua Bộ Tư pháp, Toà án thông báo quyết định đó cho tổ chức, cá nhân đã gửi đơn yêu cầu.

Điều 8. Bảo đảm việc chuyển tiền, tài sản thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo đảm việc chuyển tiền, tài sản có được từ việc thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài từ Việt Nam ra nước ngoài; việc chuyển tiền, tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Lệ phí

Tổ chức, cá nhân gửi đơn yêu cầu theo quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này phải nộp lệ phí.

Chính phủ quy định mức lệ phí, thủ tục nộp lệ phí, việc quản lý và sử dụng lệ phí.

Chương II

XÉT ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH TẠI VIỆT NAM QUYẾT ĐỊNH CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài

1. Đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài được gửi đến Bộ Tư pháp Việt Nam.

2. Đơn yêu cầu nói tại khoản 1 Điều này phải có nội dung sau đây:

a. Tên gọi đầy đủ và địa chỉ trụ sở chính của tổ chức được thi hành hoặc họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc của cá nhân được thi hành và của người đại diện hợp pháp tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân đó, nếu có;

b. Tên gọi đầy đủ và địa chỉ trụ sở chính của tổ chức phải thi hành hoặc họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc của cá nhân phải thi hành.

Trong trường hợp tổ chức phải thi hành không có trụ sở chính tại Việt Nam, cá nhân phải thi hành không cư trú, làm việc tại Việt Nam, thì còn phải ghi rõ địa điểm nơi có tài sản tại Việt Nam liên quan đến việc thi hành;

c. Yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thi hành.

3. Đơn yêu cầu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 11. Giấy tờ kèm theo đơn yêu cầu

1. Kèm theo đơn yêu cầu quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này phải có các giấy tờ được quy định tại điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia nói tại khoản 1 Điều 2 của Pháp lệnh này.

Trong trường hợp điều ước quốc tế không quy định về giấy tờ kèm theo đơn yêu cầu hoặc không có điều ước quốc tế liên quan, thì kèm theo đơn yêu cầu phải có các giấy tờ sau đây:

a. Bản gốc hoặc bản sao quyết định của Trọng tài nước ngoài đã được chứng thực phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;

b. Bản gốc hoặc bản sao: Thoả thuận trọng tài đã được chứng thực phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Thoả thuận trọng tài nói tại điểm b khoản 1 Điều này là văn bản thoả thuận của các bên về việc giải quyết tranh chấp có thể hoặc đã phát sinh giữa họ với nhau theo thể thức trọng tài mà pháp luật của nước hữu quan quy định có thể giải quyết được theo thể thức đó.

Thoả thuận trọng tài có thể là điều khoản về Trọng tài đã được ghi trong hợp đồng hoặc thoả thuận riêng về Trọng tài được các bên ký kết sau khi phát sinh tranh chấp. Việc ký kết văn bản này có thể được thực hiện thông qua việc trao đổi thư tín.

2. Giấy tờ kèm theo bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 12. Chuyển hồ sơ cho Toà án

1. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu và giấy tờ hợp lệ kèm theo, Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ cho Toà án có thẩm quyền quy định tại Điều 4 của Pháp lệnh này.

2. Trong trường hợp Bộ Tư pháp đã chuyển hồ sơ cho Toà án mà sau đó lại nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nói tại điểm c khoản 1 Điều 16 của Pháp lệnh này về việc đang xem xét hoặc đã huỷ bỏ, đình chỉ thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài, thì Bộ Tư pháp thông báo ngay bằng văn bản cho Toà án để ra quyết định phù hợp với quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 14, khoản 3 Điều 19 và khoản 4 Điều 20 của Pháp lệnh này.

Điều 13. Thụ lý hồ sơ

1. Khi nhận được hồ sơ do Bộ Tư pháp chuyển đến, Toà án có trách nhiệm thụ lý và thông báo cho tổ chức, cá nhân phải thi hành và Viện kiểm sát cùng cấp biết.

2. Toà án có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân đã gửi đơn yêu cầu giải quyết những điều chưa rõ trong hồ sơ.

Điều 14. Chuẩn bị xét đơn yêu cầu

1. Trong thời hạn hai tháng, kể từ ngày thụ lý, tùy từng trường hợp, Toà án ra một trong những quyết định sau đây:

a. Tạm đình chỉ việc xét đơn yêu cầu trong trường hợp nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Tư pháp về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đang xem xét việc huỷ bỏ hoặc đình chỉ thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài.

b. Đình chỉ việc xét đơn yêu cầu, nếu tổ chức, cá nhân được thi hành rút đơn yêu cầu hoặc tổ chức, cá nhân phải thi hành đã tự nguyện thi hành; tổ chức phải thi hành đã bị giải thể, phá sản mà quyền, nghĩa vụ của tổ chức đó đã được giải quyết theo